

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – ĐỀ 2

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Cho các số: 1250; 2370; 4725; 3960. Số chia hết cho 2; 3; 5 và 9 là:

- A. 1250 B. 2370
C. 4725 D. 3960

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $30\text{m}^2 \ 3\text{dm}^2 = \dots \text{dm}^2$ là:

- A. 300 300dm² B. 30300dm²
C. 3300dm² D. 3003dm²

Câu 3. Phân số $\frac{5}{6}$ bằng phân số nào dưới đây:

- A. $\frac{20}{18}$ B. $\frac{20}{24}$
C. $\frac{24}{20}$ D. $\frac{18}{20}$

Câu 4. Một đội công nhân đắp một quãng đường dài 180m. Sau một ngày đắp được $\frac{4}{5}$ quãng đường. Hỏi còn lại bao nhiêu mét quãng đường chưa đắp?

- A. 20m B. 30m
C. 36m D. 40m

Câu 5. Tìm $\frac{2}{5}$ của 140kg.

- A. 56kg B. 58kg
C. 60kg D. 62kg

Câu 6. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 200, chiều dài phòng học lớp em đo được 5cm. Chiều dài thật của phòng học đó là:

- A. 500cm B. 1000cm
C. 10 000cm D. 700cm

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. Tính:

a) $\frac{2}{5} + \frac{3}{4}$ (b) $\frac{3}{2} - \frac{5}{8}$

c) $\frac{3}{7} \times \frac{4}{5}$

d) $\frac{2}{5} : \frac{2}{3}$

Bài 2. Tìm x, biết:

a) $\frac{7}{10} \times x = \frac{1}{2}$

b) $x : \frac{5}{8} = \frac{4}{15}$

Bài 3. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 136 m, biết chiều dài bằng $\frac{5}{3}$ chiều rộng.

a) Tính diện tích của thửa ruộng.

b) Người ta trồng lúa trên thửa ruộng, cứ 1m^2 thì thu được $\frac{3}{5}$ kg thóc. Tính số thóc thu được trên thửa ruộng đó.

Bài 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất.

$$3 \times \frac{7}{10} + \frac{7}{10} \times 5 + 2 \times \frac{7}{10}$$

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phần 1. Trắc nghiệm**Câu 1.****Phương pháp:**

- Các số có chữ số tận cùng là 0 thì chia hết cho cả 2 và 5.
- Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3.
- Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9.

Cách giải:

Số chia hết cho 2; 3; 5 và 9 là 3960.

Chọn D.

Câu 2.**Phương pháp:**

Áp dụng cách đổi: $1\text{m}^2 = 100\text{dm}^2$.

Cách giải:

Ta có: $30\text{m}^2 3\text{dm}^2 = 30\text{m}^2 + 3\text{dm}^2 = 3000\text{dm}^2 + 3\text{dm}^2 = 3003\text{dm}^2$.

Chọn D.

Câu 3.**Phương pháp:**

Áp dụng tính chất: Khi nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.

Cách giải:

Ta có: $\frac{5}{6} = \frac{5 \times 4}{6 \times 4} = \frac{20}{24}$

Chọn B.

Câu 4.**Phương pháp:**

- Tính quãng đường đã đắp = độ dài cả quãng đường $\times \frac{4}{5}$
- Quãng đường chưa đắp = độ dài cả quãng đường - quãng đường đã đắp.

Cách giải:

Một ngày đội công nhân đắp được quãng đường là:

$$180 \times \frac{4}{5} = 144 \text{ (m)}$$

Còn lại số mét đường chưa đắp là:

$$180 - 144 = 36 \text{ (m)}$$

Đáp số: 36m.

Chọn C.

Câu 5.

Phương pháp:

Muốn tìm $\frac{2}{5}$ của 140kg ta lấy 140 nhân với $\frac{2}{5}$, sau đó ghi thêm đơn vị vào kết quả.

Cách giải:

$\frac{2}{5}$ của 140kg là

$$140 \times \frac{2}{5} = 56 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 56kg

Chọn A.

Câu 6.

Phương pháp:

Muốn tìm độ dài thật của phòng học đó ta lấy độ dài trên bản đồ nhân với 200.

Cách giải:

Chiều dài thật của phòng học đó là:

$$5 \times 200 = 1000 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 1000cm.

Chọn B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

Phương pháp:

- Muốn cộng hoặc trừ hai phân số ta quy đồng mẫu số hai phân số rồi cộng hoặc trừ hai phân số đó.
- Muốn nhân hai phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.
- Muốn chia hai phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.

Cách giải:

$$a) \frac{2}{5} + \frac{3}{4} = \frac{8}{20} + \frac{15}{20} = \frac{23}{20}$$

$$b) \frac{3}{2} - \frac{5}{8} = \frac{12}{8} - \frac{5}{8} = \frac{7}{8}$$

$$c) \frac{3}{7} \times \frac{4}{5} = \frac{3 \times 4}{7 \times 5} = \frac{12}{35}$$

$$d) \frac{2}{5} : \frac{2}{3} = \frac{2}{5} \times \frac{3}{2} = \frac{6}{10} = \frac{3}{5}$$

Bài 2.**Phương pháp:**

Áp dụng các quy tắc:

- Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.
- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

Cách giải:

$$\begin{aligned} \frac{7}{10} \times x &= \frac{1}{2} \\ x &= \frac{1}{2} : \frac{7}{10} \\ a) \quad x &= \frac{1}{2} \times \frac{10}{7} \\ x &= \frac{5}{7} \end{aligned}$$

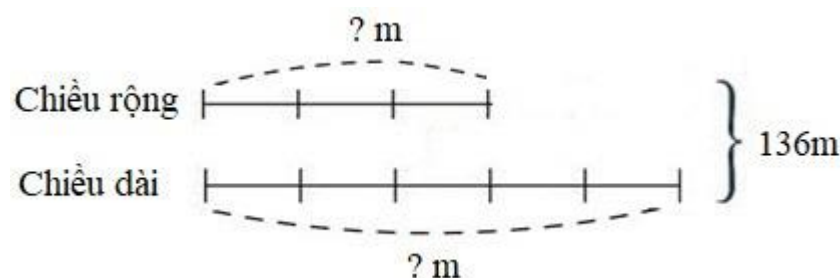
$$\begin{aligned} x : \frac{5}{8} &= \frac{4}{15} \\ b) \quad x &= \frac{4}{15} \times \frac{5}{8} \\ x &= \frac{20}{120} = \frac{1}{6} \end{aligned}$$

Bài 3.**Phương pháp:**

- Vẽ sơ đồ và tìm chiều dài, chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
- Tính diện tích thửa ruộng ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng.
- Tính số thóc thu được ta lấy $\frac{3}{5}$ kg nhân với diện tích thửa ruộng.

Cách giải:

a) Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$5 + 3 = 8 \text{ (phần)}$$

Chiều dài thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$136 : 8 \times 5 = 85 \text{ (m)}$$

Chiều rộng thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$136 - 85 = 51 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$85 \times 51 = 4335 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Số thóc thu được trên thửa ruộng đó là:

$$4335 \times \frac{3}{5} = 2601 \text{ (kg)}$$

Đáp số: a) 4335m^2 ;

b) 2601kg .

Bài 4.

Phương pháp:

- Áp dụng tính chất giao hoán của phép nhân.
- Áp dụng công thức $a \times b + a \times c + a \times d = a \times (b + c + d)$

Cách giải:

$$\begin{aligned} & 3 \times \frac{7}{10} + \frac{7}{10} \times 5 + 2 \times \frac{7}{10} \\ &= \frac{7}{10} \times (3 + 5 + 2) \\ &= \frac{7}{10} \times 10 \\ &= 7 \end{aligned}$$